

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1250/2023/KDTM-ST
Ngày: 10 - 7 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Linh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Phú

2. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thương, cán bộ tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Giang - Kiểm sát viên

Trong các ngày 20 tháng 6 năm 2023 và ngày 10 tháng 7 năm 2023, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2023/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 250/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần A; địa chỉ: đường M, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện hợp pháp là ông C, đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 07/9/2022) (Có đơn đề nghị vắng mặt);

Bị đơn là bà B - Chủ hộ kinh doanh B; địa chỉ: đường X, Phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/9/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện của nguyên đơn là ông C trình bày:

Ngày 07 tháng 01 năm 2019, bị đơn ký hợp đồng tín dụng số 0101900005000 với nguyên đơn để vay số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, mục đích vay: Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh, thời hạn vay là 48 tháng (từ ngày 07/01/2019 đến ngày 07/01/2023), lãi suất cho vay: 22%/năm, phương thức trả nợ như sau: trả lãi vay vào ngày 05 định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 05 định kỳ 01 tháng/lần với số tiền 4.167.000 đồng/tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 05/02/2019, kỳ trả nợ gốc cuối cùng vào ngày đến hạn với số tiền 4.151.000 đồng.

Quá trình vay vốn từ ngày 07/01/2019 đến ngày 06/11/2019 bị đơn đã thanh toán tổng số tiền là 69.979.878 đồng. Tính đến ngày 10/7/2023, bị đơn còn nợ tổng số tiền là 353.317.787 đồng, gồm: nợ gốc: 162.497.000, lãi trong hạn: 60.628.871 đồng, lãi chậm lãi: 15.180.357 đồng, lãi chậm vốn: 115.011.559 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nêu trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và tiền lãi, lãi phạt, phí phát sinh từ ngày 11 tháng 7 năm 2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng số 0101900005000 ngày 07 tháng 01 năm 2019, giấy nhận nợ số 0101900005000001 ngày 07 tháng 01 năm 2019.

Bị đơn là bà B - Chủ hộ kinh doanh B đã được Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng vẫn không có mặt và không nộp (gửi) cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các chứng cứ, tài liệu kèm theo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Về quan hệ tranh chấp: Bị đơn vay vốn để phục vụ hoạt động kinh doanh và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 4108035358 ngày 28/11/2017 tại số 115/26 Ngô Tất Tô, Phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, ngành nghề kinh doanh nhà có phòng cho người Việt Nam và nước ngoài thuê để ở, nên căn cứ khoản 1 Điều 3 Luật Thương mại năm 2005, khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, mục 5 phần IV văn bản số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao, quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp kinh doanh, thương mại. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Phía bị đơn thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự; Người đại diện theo ủy quyền đã thực hiện đúng quy định tại các điều 85, 86 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 117, Điều 118, Điều 119, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 15/3/2017 của Ngân hàng Nhà nước chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Bà B phải trả cho nguyên đơn số tiền: 353.317.787 đồng, trong đó: Nợ gốc: là 162.497.000 đồng, lãi trong hạn: 60.628.871 đồng, lãi chậm lãi: 15.180.357 đồng, lãi chậm vốn: 115.011.559 đồng. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bị đơn phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà B ký hợp đồng tín dụng vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần A với mục đích bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh và được Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 4108035358 ngày 28 tháng 11 năm 2017 tại số 115/26 đường Ngô Tất Tố, Phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, ngành nghề kinh doanh nhà có phòng cho người Việt Nam và nước ngoài thuê để ở. Như vậy, tranh chấp phát sinh giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nên được xác định là tranh chấp về kinh doanh, thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn xuất trình bao gồm: Hợp đồng tín dụng số 0101900005000 ngày 07 tháng 01 năm 2019, giấy nhận nợ số 0101900005000001 ngày 07 tháng 01 năm 2019, giấy đề nghị giải ngân ngày 07 tháng 01 năm 2019, sổ phụ tài khoản tiền vay và phiếu tính lãi tài khoản vay có đủ cơ sở để xác định bị đơn có vay và hiện còn nợ nguyên đơn theo hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 10 tháng 7 năm 2023 là 353.317.787 đồng, gồm: nợ gốc: 162.497.000, lãi trong hạn: 60.628.871 đồng, lãi chậm lãi: 15.180.357 đồng, lãi chậm vốn: 115.011.559 đồng. Do bị đơn không thanh toán tiền lãi và nợ gốc nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi

theo quy định tại Điều 1, Điều 5 của Hợp đồng tín dụng, vì vậy nguyên đơn khởi kiện và buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc, nợ lãi nêu trên là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ -HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[3.2] Về thời gian trả: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vốn, tiền lãi một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ, nghĩ nên chấp nhận.

[3.3] Kể từ ngày 11 tháng 7 năm 2023, bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và các văn bản có liên quan, tương ứng với số tiền nợ gốc cho đến khi trả hết số nợ nêu trên.

[4] *Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:* Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $353.317.787 \text{ đồng} \times 5\% = 17.665.889 \text{ đồng}$;

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.329.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0018573 ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A, buộc bà B - Chủ hộ kinh doanh B phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền tính đến ngày 10 tháng 7 năm 2023 là: 353.317.787 (Ba trăm năm mươi ba triệu, ba trăm mười bảy ngàn, bảy trăm tám mươi bảy) đồng, gồm: nợ gốc: 162.497.000, lãi trong hạn: 60.628.871 đồng, lãi chậm lãi: 15.180.357 đồng, lãi chậm vốn: 115.011.559 đồng theo Hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số 0101900005000 ngày 07 tháng 01 năm 2019, giấy nhận nợ số 0101900005000001 ngày 07 tháng 01 năm 2019 làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 11 tháng 7 năm 2023, bà B - Chủ hộ kinh doanh B còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0101900005000 ngày 07 tháng 01 năm 2019 và các văn bản có liên quan, tương ứng với số tiền nợ gốc cho đến khi trả hết số nợ nêu trên.

2. *Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm*: Bà B - Chủ hộ kinh doanh B phải chịu án phí là 17.665.889 (Mười bảy triệu, sáu trăm sáu mươi lăm ngàn, tám trăm tám mươi chín) đồng;

Ngân hàng Thương mại cổ phần A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.329.000 (Bảy triệu, ba trăm hai mươi chín) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0018573 ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Linh Phụng